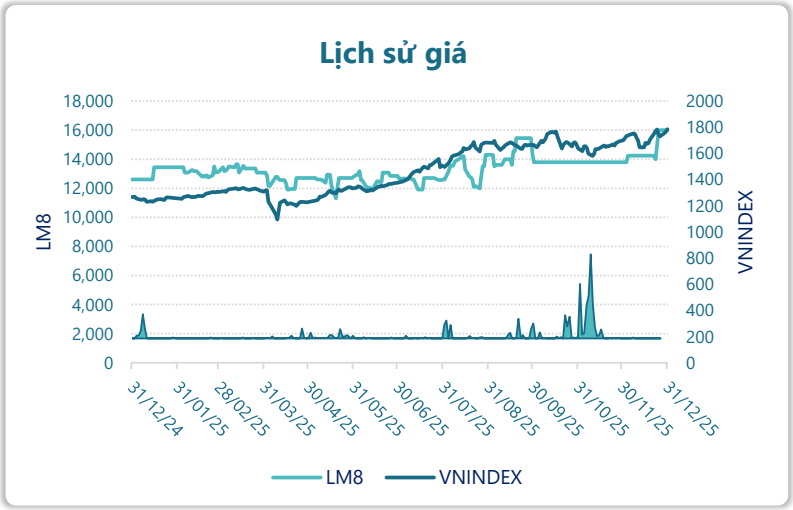
FireAnt

CTCP Lilama 18 (HSX: LM8)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,304
SL cổ phiếu LH	9,388,682
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,995
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	150
P/E	9.3
EPS	1,724

DT thuần

Q4/25

328

tỷ VNĐ

QoQ: ▼141| -30.0%

YoY: ▼138| -29.6%

LN sau thuế

Q4/25

4.14

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.09| -33.5%

YoY: ▼0.92| -18.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.5%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

2025

1,521

tỷ VNĐ

YoY: ▼25.0| -1.6%

LN sau thuế

2025

16.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.20| -1.2%

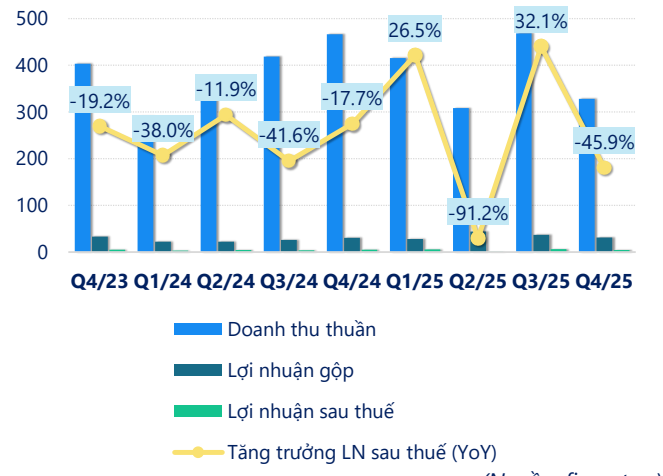
ROE

2025

5.3%

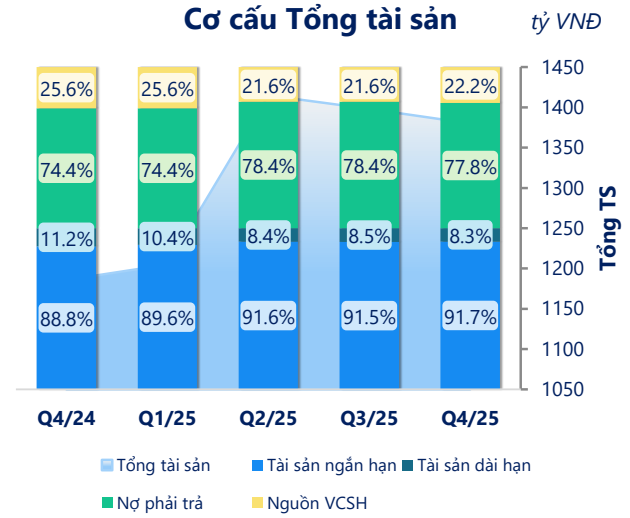
+/- YoY: ▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh



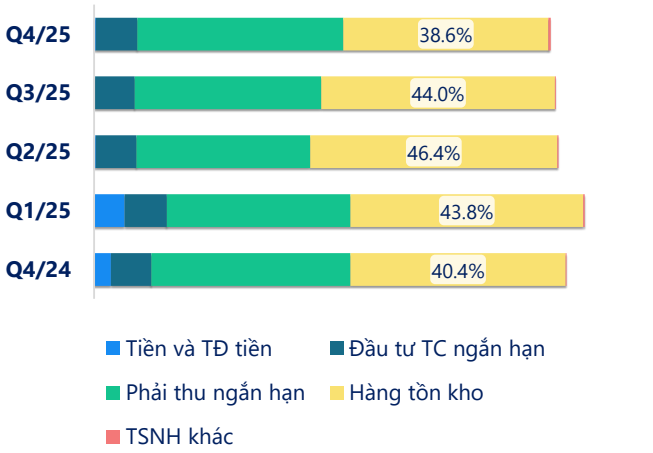
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



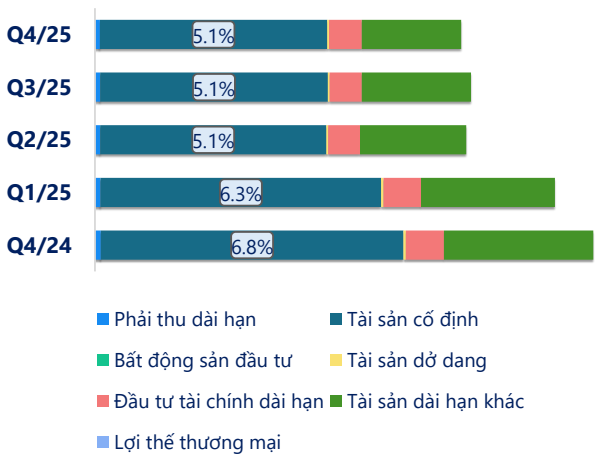
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



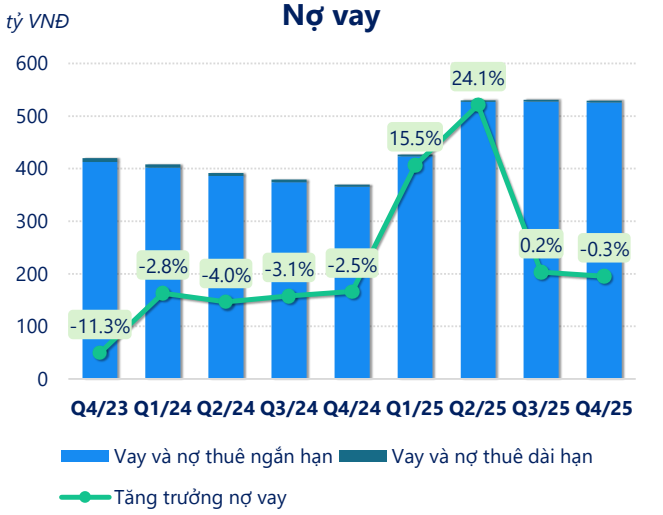
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



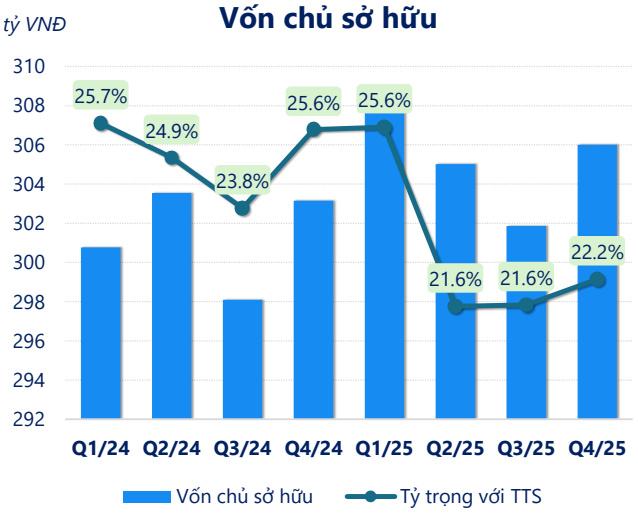
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



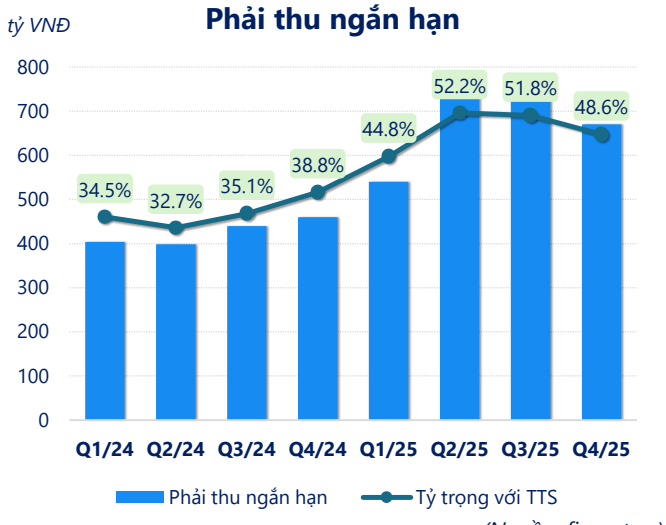
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



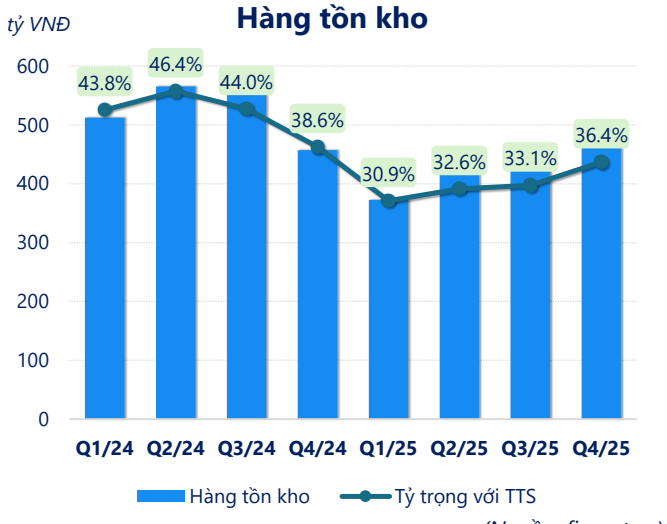
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



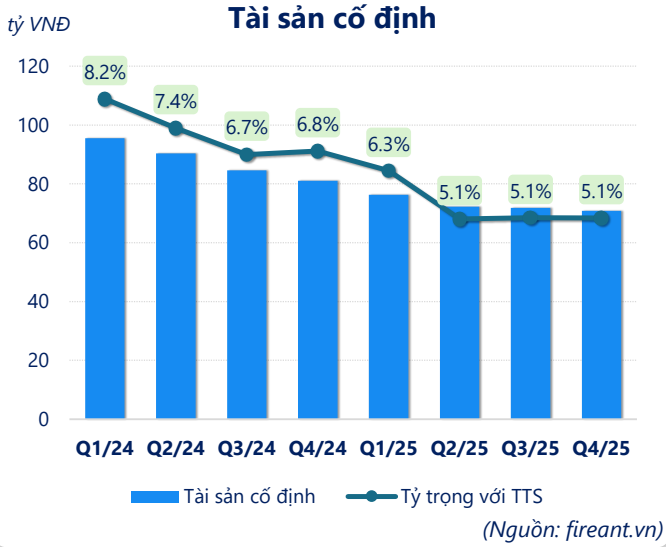
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



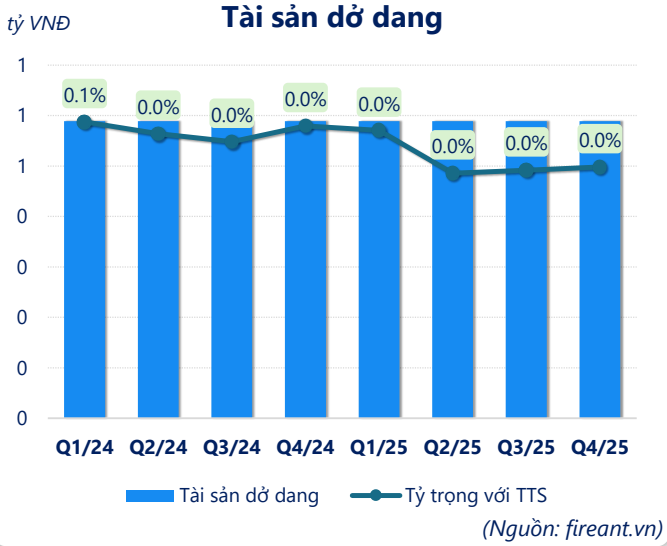
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



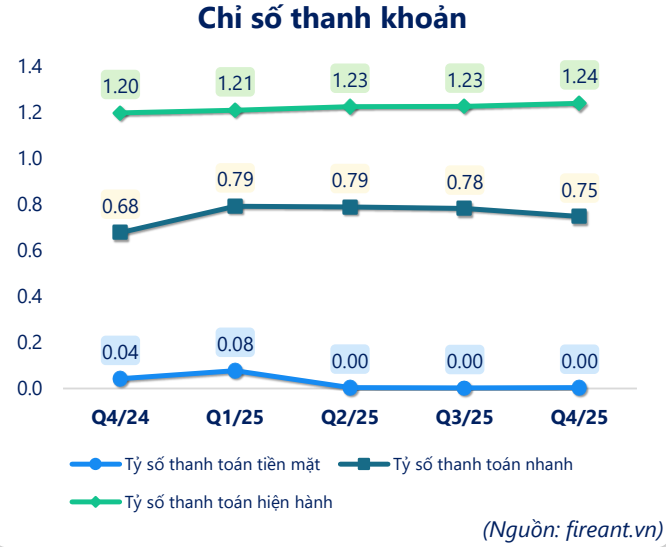
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



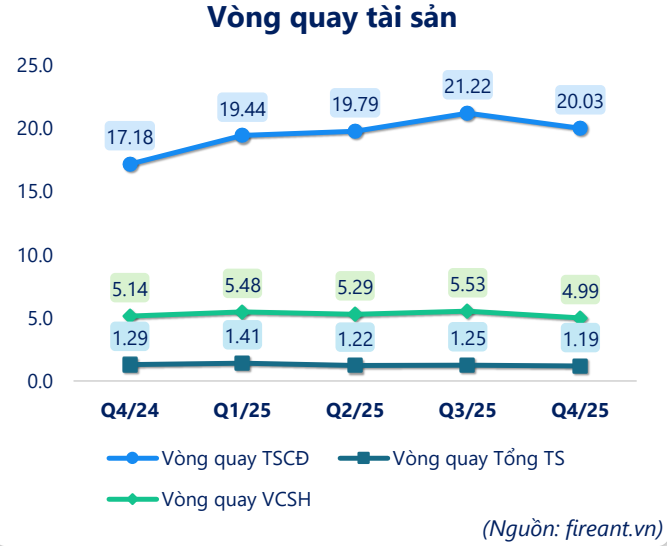
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,186**	**1,205**	**1,415**	**1,398**	**1,380**
Tài sản ngắn hạn	**1,052**	**1,080**	**1,296**	**1,279**	**1,266**
Tiền và tương đương tiền	37.1	69.1	4.70	2.74	3.95
Đầu tư tài chính ngắn hạn	93.0	93.0	88.1	88.1	88.1
Phải thu ngắn hạn	459	540	739	724	670
Hàng tồn kho	457	373	461	463	502
Tài sản ngắn hạn khác	5.55	5.30	3.49	2.12	1.49
Tài sản dài hạn	**133**	**125**	**119**	**119**	**114**
Phải thu dài hạn	1.52	1.52	1.64	1.64	1.52
Tài sản cố định	81.1	76.3	72.2	71.8	70.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.59	0.59	0.59	0.59	0.59
Đầu tư tài chính dài hạn	10.2	10.2	10.2	10.2	10.2
Tài sản dài hạn khác	40.0	36.4	33.9	34.4	30.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**883**	**896**	**1,110**	**1,096**	**1,074**
Nợ ngắn hạn	**878**	**893**	**1,058**	**1,044**	**1,021**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	365	423	527	528	526
Phải trả người bán ngắn hạn	171	159	170	177	202
Nợ dài hạn	4.23	3.50	51.9	52.5	52.8
Vay và nợ thuê dài hạn	4.23	3.50	2.78	3.36	3.64
Nguồn vốn chủ sở hữu	**303**	**309**	**305**	**302**	**306**
Vốn chủ sở hữu	**303**	**309**	**305**	**302**	**306**
Vốn điều lệ	93.9	93.9	93.9	93.9	93.9
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)